

BỘ XÂY DỰNG**BỘ XÂY DỰNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2011/TT-BXD

*Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2011***THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn hoạt động kiểm định, giám định và
chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực,
chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng**

Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình,

Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng như sau:

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về hoạt động kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm

bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Kiểm định chất lượng công trình xây dựng* (sau đây viết tắt là kiểm định) là hoạt động kiểm tra, xác định chất lượng của sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế và quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật thông qua việc thí nghiệm kết hợp với việc xem xét, đánh giá hiện trạng bằng trực quan.

2. *Giám định chất lượng công trình xây dựng* (sau đây viết tắt là giám định) là hoạt động kiểm định do cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện hoặc trung cầu, yêu cầu thực hiện.

3. *Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng* (sau đây viết tắt là chứng nhận chất lượng phù hợp) là việc đánh giá, xác nhận chất lượng công trình hoặc hạng mục, bộ phận công trình xây dựng phù hợp với thiết kế, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu kỹ thuật áp dụng cho công trình.

4. *Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực* (sau đây viết tắt là chứng nhận an toàn chịu lực) là việc chứng nhận chất lượng phù hợp theo nội dung an toàn chịu lực.

Điều 3. Các trường hợp thực hiện kiểm định, giám định

1. Các trường hợp phải thực hiện việc kiểm định:

- a) Khi công trình xảy ra sự cố hoặc có khiếm khuyết về chất lượng;
- b) Khi có tranh chấp về chất lượng công trình xây dựng;
- c) Kiểm định định kỳ công trình xây dựng trong quá trình sử dụng;
- d) Cải tạo, nâng cấp hoặc kéo dài tuổi thọ công trình xây dựng;
- đ) Phúc tra chất lượng công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các trường hợp thực hiện việc giám định:

a) Khi có quyết định trưng cầu của cơ quan tố tụng hoặc người tiến hành tố tụng (giám định tư pháp xây dựng);

b) Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng hoặc các cơ quan quản lý nhà nước khác theo quy định của pháp luật (gọi chung là cơ quan quản lý nhà nước).

Điều 4. Các trường hợp thực hiện chứng nhận an toàn chịu lực và chứng nhận chất lượng phù hợp

1. Bắt buộc thực hiện kiểm tra, chứng nhận an toàn chịu lực trước khi đưa vào sử dụng đối với các hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng khi xảy ra sự cố có thể gây thảm họa, bao gồm:

a) Nhà chung cư từ cấp II trở lên; nhà ở riêng lẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở.

b) Công trình công cộng:

- Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường phổ thông có quy mô từ 4 tầng trở lên hoặc có tổng diện tích sàn cho một hạng mục công trình từ 500m² trở lên;

- Trạm y tế, nhà hộ sinh, nhà điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, nhà dưỡng lão, phòng chống dịch bệnh và các cơ sở y tế khác có quy mô từ 4 tầng trở lên hoặc có tổng diện tích sàn cho một hạng mục công trình từ 500m² trở lên;

- Trường đại học và cao đẳng, trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề, trường công nhân kỹ thuật, trường nghiệp vụ và các loại trường khác từ cấp II trở lên;

- Bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa từ trung ương đến địa phương, các phòng khám đa khoa, khám chuyên khoa khu vực từ cấp II trở lên;

- Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc từ cấp II trở lên;

- Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cửa hàng, nhà hàng ăn uống, giải khát từ cấp II trở lên;

- Sân vận động, nhà thi đấu, tập luyện từ cấp II trở lên;

- Trụ sở cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội và tổ chức khác từ cấp II trở lên;

- Các nhà ga hàng không, đường thủy, đường sắt, bến xe ô tô từ cấp II trở lên;

- Nhà bưu điện từ cấp II trở lên;

- Nhà đa năng, khách sạn, ký túc xá, nhà khách, nhà nghỉ từ cấp II trở lên;

- Công trình vui chơi, giải trí từ cấp II trở lên;

- Nhà bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày và các công trình khác có chức năng tương tự từ cấp I trở lên;

- Tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình nằm trong khu dân cư từ cấp I trở lên.

c) Công trình công nghiệp dầu khí từ cấp II trở lên gồm:

- Giàn khoan thăm dò, khai thác trên biển;
- Nhà máy lọc hóa dầu;
- Nhà máy chế biến khí;
- Kho xăng dầu;
- Kho chứa khí hóa lỏng;
- Tuyến ống dẫn khí, dầu.

d) Đập thủy lợi, thủy điện, hồ chứa từ cấp II trở lên;

đ) Công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Đường sắt cao tốc, đường sắt trên cao;
- Ga ra ô tô và xe máy từ cấp II trở lên;
- Công trình tàu điện ngầm;
- Cầu đường bộ, cầu đường sắt từ cấp I trở lên;
- Hàm đường ô tô, hàm đường sắt, hầm cho người đi bộ từ cấp I trở lên;
- Hệ thống cáp treo vận chuyển người.

e) Các công trình khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chứng nhận chất lượng phù hợp:

a) Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng xuất phát từ lợi ích cộng đồng;

b) Theo yêu cầu của Chủ đầu tư, chủ sở hữu, chủ quản lý sử dụng công trình hoặc các tổ chức, cá nhân khác có liên quan xuất phát từ lợi ích của mình (lợi ích của các cá nhân mua, thuê, sở hữu hoặc các tổ chức bán bảo hiểm cho công trình...);

c) Chứng nhận chất lượng phù hợp có thể gồm một, một số hoặc toàn bộ các yêu cầu về an toàn chịu lực, an toàn sử dụng, khai thác, vận hành và các nội dung cần thiết khác đối với các công trình, hạng mục công trình.

3. Đối với các công trình được Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng tổ chức kiểm tra hoặc nghiệm thu thì không phải chứng nhận an toàn chịu lực, chứng nhận chất lượng phù hợp trừ trường hợp có yêu cầu riêng.

Điều 5. Công bố thông tin các tổ chức kiểm định, tổ chức chứng nhận an toàn chịu lực, chứng nhận chất lượng phù hợp và tổ chức chuyên môn giám định tư pháp xây dựng

1. Tổ chức kiểm định có đủ điều kiện về năng lực theo quy định tại Điều 7 và các tổ chức chứng nhận an toàn chịu lực, tổ chức chứng nhận chất lượng phù hợp (gọi chung là tổ chức chứng nhận) có đủ điều kiện về năng lực theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này có thể đăng ký để được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

2. Tổ chức chuyên môn giám định tư pháp xây dựng theo quy định Thông tư số 35/2009/TT-BXD ngày 05/10/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn giám định tư pháp xây dựng, được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

3. Trình tự đăng ký để được công bố theo quy chế công bố thông tin của Bộ Xây dựng được đăng tải trên trang thông tin này.

Điều 6. Lựa chọn tổ chức kiểm định, tổ chức chứng nhận

1. Việc lựa chọn tổ chức kiểm định hoặc tổ chức chứng nhận phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

- a) Tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về đấu thầu;
- b) Đáp ứng yêu cầu về năng lực của tổ chức kiểm định theo quy định tại Điều 7 hoặc của tổ chức chứng nhận quy định tại Điều 10 Thông tư này;
- c) Bảo đảm yêu cầu về tính độc lập, khách quan:

Trường hợp thực hiện giám định, chứng nhận an toàn chịu lực, kiểm định theo quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 3, chứng nhận chất lượng phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư này thì tổ chức thực hiện kiểm định, chứng nhận phải là tổ chức không tham gia khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, cung ứng vật tư - thiết bị lắp đặt vào công trình, quản lý dự án và giám sát thi công xây dựng cho chính đối tượng công trình được kiểm định, chứng nhận.

2. Ưu tiên lựa chọn tổ chức kiểm định, tổ chức chứng nhận đã được công bố theo quy định tại Điều 5 Thông tư này trong việc thực hiện việc giám định, chứng nhận chất lượng phù hợp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và chứng nhận an toàn chịu lực.

Chương II

KIỂM ĐỊNH VÀ GIÁM ĐỊNH

Điều 7. Yêu cầu về năng lực của tổ chức kiểm định

1. Về pháp nhân: là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng hoạt động trong lĩnh vực kiểm định.

2. Về hệ thống quản lý chất lượng:

a) Có các đầu mối theo dõi, kiểm tra các hoạt động kiểm định theo hợp đồng;

b) Có kế hoạch và phương thức kiểm soát chất lượng đảm bảo công tác kiểm định bao gồm:

- Quy trình kiểm định đối với từng đối tượng;

- Phương thức kiểm soát số liệu thu thập để phục vụ kiểm định;

- Kế hoạch tổ chức thí nghiệm và kiểm định chất lượng;

- Quy trình kiểm soát nội bộ tại các bước trong quá trình kiểm định và nghiệm thu kết quả kiểm định cuối cùng trước khi công bố.

c) Quy trình lập và quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình kiểm định; phát hành các văn bản trong quá trình kiểm định; văn bản thông báo kết quả kiểm định; văn bản trả lời khiếu nại với các bên có liên quan về kết quả kiểm định.

3. Về điều kiện năng lực:

a) Về năng lực: có đủ nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị cho phép thực hiện các hoạt động liên quan đến dịch vụ kiểm định, trong đó:

- Có ít nhất 03 cá nhân có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp với công tác kiểm định, có nghiệp vụ về kiểm định và có hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Người chủ trì tổ chức thực hiện công tác kiểm định phải có ít nhất 10 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và có năng lực chủ trì một trong các lĩnh vực thiết kế, giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại, cấp công trình và nội dung kiểm định được giao;

- Có phòng thí nghiệm xây dựng chuyên ngành được công nhận theo quy định và có đủ khả năng thực hiện các phép thử phục vụ công tác kiểm định.

b) Về kinh nghiệm:

- Trường hợp kiểm định công trình hoặc hạng mục công trình: đã thực hiện kiểm định ít nhất 01 công trình trong số các công trình cùng loại và cùng cấp trở lên hoặc

02 công trình số các công trình cùng loại và cấp dưới liền kề với đối tượng công trình được kiểm định;

- Trường hợp kiểm định xác định các chỉ tiêu cơ, lý, hóa của bộ phận công trình, sản phẩm xây dựng hoặc vật liệu xây dựng (kiểm định cường độ bê tông của kết cấu; kiểm định độ chặt, độ chống thấm vật liệu; kiểm định xác định hàm lượng phụ gia xi măng...) thì phải đã từng thực hiện công việc kiểm định tương tự.

Điều 8. Trình tự kiểm định, giám định và nội dung đề cương kiểm định

1. Đối với trường hợp giám định theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc giám định thực hiện theo quy định về giám định tư pháp xây dựng.

2. Đối với các trường hợp kiểm định và giám định khác, trình tự thực hiện gồm các bước chính sau:

a) Tổ chức kiểm định lập đề cương kiểm định trình tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định xem xét chấp thuận;

b) Tổ chức kiểm định thực hiện kiểm định theo đúng đề cương được chấp thuận;

c) Tổ chức kiểm định lập báo cáo đánh giá, kết luận theo nội dung yêu cầu kiểm định của hợp đồng và gửi cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định.

Trường hợp thực hiện giám định theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước thì tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định gửi báo cáo đánh giá, kết luận cho cơ quan này. Cơ quan quản lý nhà nước tiếp nhận báo cáo kết quả kiểm định và gửi phiếu tiếp nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này cho tổ chức, cá nhân yêu cầu kiểm định trong vòng 01 ngày kể từ khi nhận được báo cáo này (thời gian nhận báo cáo là thời gian tính theo dấu bưu chính nơi phát hành).

3. Đề cương kiểm định bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Mục đích kiểm định, yêu cầu kiểm định, nội dung thực hiện kiểm định, quy trình và phương pháp kiểm định;

b) Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng trong việc thực hiện kiểm định;

c) Danh sách nhân sự và người được phân công chủ trì thực hiện kiểm định; các thông tin về năng lực của các cá nhân tham gia thực hiện;

d) Các thiết bị chính, phòng thí nghiệm được sử dụng để thực hiện kiểm định;

đ) Chi phí thực hiện, thời gian dự kiến hoàn thành việc kiểm định;

e) Các điều kiện khác để thực hiện kiểm định.

Điều 9. Chi phí thực hiện kiểm định

1. Chi phí kiểm định được xác định bằng cách lập dự toán theo các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và phù hợp với khối lượng công việc của đề cương đã được chấp thuận.

2. Chi phí kiểm định bao gồm một số hoặc toàn bộ các chi phí sau:

- a) Chi phí lập đề cương kiểm định;
- b) Chi phí khảo sát hiện trạng công trình, hạng mục công trình hoặc bộ phận công trình xây dựng;
- c) Chi phí lấy mẫu thí nghiệm, chi phí thí nghiệm;
- d) Chi phí nghiên cứu hồ sơ tài liệu;
- đ) Chi phí tính toán, thẩm tra, chi phí đánh giá, lập báo cáo và kết luận;
- e) Chi phí vận chuyển;
- g) Các chi phí cần thiết khác theo quy định.

Chương III**CHỨNG NHẬN AN TOÀN CHỊU LỰC,
CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG PHÙ HỢP****Điều 10. Yêu cầu về năng lực của tổ chức chứng nhận**

1. Về pháp nhân: là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng hoạt động trong lĩnh vực chứng nhận;

2. Về hệ thống quản lý chất lượng:

- a) Có các đầu mối theo dõi, kiểm tra các hoạt động chứng nhận theo hợp đồng;
- b) Có kế hoạch và phương thức kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng chứng nhận bao gồm:
 - Quy trình chứng nhận đối với từng đối tượng;
 - Phương thức kiểm soát số liệu thu thập để phục vụ chứng nhận;
 - Kế hoạch tổ chức thí nghiệm và chứng nhận chất lượng;
 - Quy trình kiểm soát nội bộ tại các bước trong quá trình chứng nhận và nghiệm thu kết quả chứng nhận cuối cùng trước khi công bố.

b) Quy trình lập và quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình chứng nhận; phát hành các văn bản trong quá trình tiến hành chứng nhận; văn bản thông báo kết quả chứng nhận; văn bản trả lời khiếu nại với các bên có liên quan về kết quả chứng nhận.

3. Về điều kiện năng lực:

a) Về năng lực: có đủ nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị cho phép thực hiện các hoạt động liên quan đến dịch vụ chứng nhận trong đó có ít nhất 03 cá nhân có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp với công tác chứng nhận, có nghiệp vụ về chứng nhận, có hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Người chủ trì thực hiện công tác chứng nhận phải có ít nhất 10 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và có năng lực chủ trì một trong các lĩnh vực thiết kế, giám sát thi công xây dựng, kiểm định chất lượng công trình xây dựng phù hợp với loại và cấp công trình được chứng nhận;

b) Về kinh nghiệm:

- Đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt: đã thực hiện chứng nhận ít nhất 01 công trình trong số các công trình cùng loại và cùng cấp trở lên hoặc 02 công trình trong số các công trình cùng loại và cấp dưới liền kề với đối tượng công trình được chứng nhận;

- Đối với công trình từ cấp II trở xuống: đã thực hiện chứng nhận ít nhất 01 công trình trong số các công trình cùng loại và cùng cấp trở lên hoặc người chủ trì thực hiện của tổ chức chứng nhận phải đã từng thiết kế, giám sát thi công xây dựng hoặc kiểm định chất lượng cho ít nhất 03 công trình cấp tương đương trở lên.

Điều 11. Trình tự, nội dung kiểm tra và chứng nhận

1. Trình tự, kiểm tra chứng nhận gồm các bước chính sau:

a) Tổ chức chứng nhận lập đề cương chứng nhận theo nội dung kiểm tra, chứng nhận tại khoản 2 Điều này trình chủ đầu tư, chủ sở hữu xem xét chấp thuận. Tùy theo loại và quy mô công trình, khi lập đề cương, tổ chức chứng nhận dự kiến số lần kiểm tra phù hợp đảm bảo kiểm soát và đánh giá chất lượng công trình, hạng mục công trình trong suốt quá trình thi công xây dựng;

b) Tổ chức chứng nhận thực hiện kiểm tra, chứng nhận theo đúng đề cương đã được chấp thuận. Việc chứng nhận phải được tổ chức thực hiện ngay từ khi khởi công công trình.

Sau mỗi đợt kiểm tra, tổ chức thực hiện chứng nhận phải có báo cáo nhận xét, đánh giá bằng văn bản về chất lượng và công tác quản lý chất lượng các công việc đã

kiểm tra gửi chủ đầu tư và các bên có liên quan. Trong quá trình kiểm tra, nếu nghi ngờ những nội dung liên quan đến nội dung chứng nhận thì tổ chức chứng nhận đề nghị các bên có liên quan làm rõ, trường hợp cần thiết, đề nghị chủ đầu tư tổ chức phúc tra, kiểm định lại.

c) Tổ chức chứng nhận cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 12 Thông tư này trước khi chủ đầu tư, chủ sở hữu đưa công trình vào khai thác sử dụng. Đối với các công trình thực hiện chứng nhận an toàn chịu lực, chứng nhận chất lượng phù hợp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương thì chủ đầu tư, chủ sở hữu có trách nhiệm gửi 01 giấy chứng nhận này kèm theo báo cáo kết quả kiểm tra và biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hoặc hạng mục công trình được chứng nhận cho cơ quan này để kiểm tra và quản lý. Giấy chứng nhận này là căn cứ để chủ đầu tư, chủ sở hữu đưa công trình vào sử dụng.

Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương tiếp nhận giấy chứng nhận và gửi phiếu tiếp nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này cho chủ đầu tư, chủ sở hữu trong vòng 01 ngày kể từ khi nhận được giấy chứng nhận này (thời gian nhận giấy chứng nhận là thời gian tính theo dấu bưu chính nơi phát hành).

2. Nội dung kiểm tra, chứng nhận:

a) Kiểm tra công tác quản lý chất lượng:

- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về điều kiện năng lực của các chủ thể tham gia xây dựng công trình có liên quan;
- Trình tự, thủ tục về lập, phê duyệt dự án đầu tư, quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư;
- Trình tự, thủ tục về thẩm định, phê duyệt và nghiệm thu hồ sơ khảo sát, thiết kế;
- Các chứng chỉ chất lượng vật liệu, vật tư, thiết bị; kết quả thí nghiệm vật liệu, kết quả thí nghiệm kiểm định, phúc tra (nếu có); biên bản nghiệm thu công việc, giai đoạn và hoàn thành công trình;

b) Kiểm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật:

- Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp của báo cáo kết quả khảo sát xây dựng so với tiêu chuẩn khảo sát và nhiệm vụ khảo sát;
- Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp của thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế 2 bước, 1 bước) so với yêu cầu thiết kế, điều kiện địa chất, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng cho công trình.

c) Kiểm tra chất lượng thi công xây dựng:

- Kiểm tra bản vẽ thi công xây dựng công trình được chủ đầu tư phê duyệt;
- Kiểm tra trực tiếp, đánh giá chất lượng vật liệu, vật tư, thiết bị, sản phẩm đúc sẵn được sử dụng cho công trình;
- Kiểm tra chất lượng thi công xây dựng bộ phận công trình, hạng mục công trình, đánh giá sự phù hợp chất lượng so với thiết kế được duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng;
- Kiểm tra chất lượng thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật của công trình, đánh giá sự phù hợp chất lượng so với thiết kế được duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng;
- Kiểm tra, chứng kiến thử tải, vận hành thử công trình, hạng mục công trình được chứng nhận;
- Kiểm tra các số liệu và kết quả quan trắc và biểu hiện bên ngoài của kết cấu.

Đối với trường hợp chứng nhận an toàn chịu lực thì đối tượng kiểm tra chỉ tập trung vào bộ phận công trình, kết cấu chịu lực khi bị phá hoại có thể gây thảm họa.

Điều 12. Cấp giấy chứng nhận

1. Tổ chức chứng nhận cấp giấy chứng nhận cho chủ đầu tư, chủ sở hữu theo thời hạn quy định trong hợp đồng. Nội dung giấy chứng nhận bao gồm:

- a) Tên tổ chức chứng nhận;
- b) Các căn cứ thực hiện chứng nhận;
- c) Tên công trình, hạng mục công trình được chứng nhận;
- d) Nội dung chứng nhận;
- đ) Kết luận, đánh giá;
- e) Chữ ký và dấu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức chứng nhận.

2. Xử lý trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận:

Đối với trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận, tổ chức chứng nhận có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư, chủ sở hữu về quyết định của mình, trong đó nêu rõ lý do không cấp giấy chứng nhận. Chủ đầu tư, chủ sở hữu có trách nhiệm báo cáo việc này cho cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương biết để kiểm tra và xử lý.

Điều 13. Chi phí thực hiện chứng nhận

1. Chi phí chứng nhận an toàn chịu lực và chi phí chứng nhận chất lượng phù hợp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước do chủ đầu tư trả từ khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

Chi phí này được xác định bằng cách lập dự toán theo quy định và bao gồm một số hoặc toàn bộ các chi phí sau:

- a) Chi phí lập đề cương chứng nhận;
- b) Chi phí kiểm tra hồ sơ, trình tự thủ tục xây dựng, quản lý chất lượng công trình;
- c) Chi phí tính toán, kiểm tra, đánh giá sự phù hợp của hồ sơ khảo sát, thiết kế;
- d) Chi phí kiểm tra sự phù hợp về chất lượng thi công xây dựng;
- đ) Chi phí lấy mẫu thí nghiệm, chi phí thí nghiệm, kiểm định (nếu cần);
- e) Chi phí lập báo cáo và kết luận;
- g) Chi phí đi lại, vận chuyển;
- h) Các chi phí cần thiết khác theo quy định.

2. Chi phí chứng nhận chất lượng phù hợp theo yêu cầu của chủ đầu tư, chủ sở hữu do chủ đầu tư, chủ sở hữu và tổ chức chứng nhận thỏa thuận. Chi phí này có thể được xác định bằng cách lập dự toán theo quy định.

Chương IV**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 14. Trách nhiệm thực hiện**

1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Quản lý nhà nước về hoạt động kiểm định, chứng nhận; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này trong phạm vi cả nước;

b) Đình chỉ hoặc yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương đình chỉ việc thực hiện kiểm định, chứng nhận khi phát hiện thấy có vi phạm trong hoạt động kiểm định, chứng nhận. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương không cho phép chủ đầu tư, chủ sở hữu đưa công trình vào khai thác, sử dụng hoặc tạm ngừng khai thác sử dụng công trình khi phát hiện có yếu tố không đảm bảo an toàn cho công trình;

c) Tổng hợp và đăng tải thông tin các tổ chức kiểm định, tổ chức chứng nhận; công bố hình thức xử phạt và loại khỏi danh sách các tổ chức vi phạm quy định của Thông tư này trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng - Bộ Xây dựng là đầu mối giúp Bộ Xây dựng thực hiện các công việc trên.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện kiểm định, chứng nhận trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý;

b) Đình chỉ việc thực hiện kiểm định, chứng nhận khi phát hiện thấy có vi phạm trong hoạt động kiểm định, chứng nhận; không cho phép chủ đầu tư, chủ sở hữu đưa vào khai thác, sử dụng hoặc tạm ngừng khai thác sử dụng công trình khi phát hiện có yếu tố không đảm bảo an toàn cho công trình;

c) Tiếp nhận và công bố thông tin các tổ chức kiểm định, tổ chức chứng nhận hoạt động trên địa bàn; công bố hình thức xử phạt các tổ chức vi phạm quy định của Thông tư này trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng địa phương và gửi về Bộ Xây dựng để công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng;

d) Tổng hợp tình hình thực hiện hàng năm theo quy định của Thông tư này và báo cáo Bộ Xây dựng.

Sở Xây dựng là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các công việc trên.

Điều 15. Xử lý vi phạm

Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình và các tổ chức kiểm định, tổ chức chứng nhận nếu vi phạm các quy định của Thông tư này thì ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật còn bị xử lý như sau:

1. Đối với chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình: tạm ngừng khai thác sử dụng công trình hoặc không được đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

2. Đối với tổ chức kiểm định, tổ chức chứng nhận: loại khỏi danh sách công bố các tổ chức kiểm định, tổ chức chứng nhận trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2011 và thay thế Thông tư số 16/2008/TT-BXD ngày 11/9/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng

công trình xây dựng; Điều 5, Điều 6 Thông tư số 22/2009/TT-BXD ngày 06/7/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về điều kiện năng lực trong hoạt động xây dựng; điểm b khoản 2 Điều 4 và Điều 8 Thông tư số 35/2009/TT-BXD.

2. Các công trình đang được thực hiện chứng nhận theo quy định của Thông tư số 16/2008/TT-BXD vẫn tiếp tục được thực hiện theo quy định của Thông tư số 16/2008/TT-BXD.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề nghị các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để được hướng dẫn, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Quân

Phụ lục 1*(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BXD ngày 06/4/2011)*

..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(1) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

(2), ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU TIẾP NHẬN

..... (3).....

..... (1) đã tiếp nhận (3) và
 (4)..... của(5)
 số..... ngày.... tháng.... năm.....

Địa điểm xây dựng công trình:.....

Điện thoại trụ sở làm việc cá nhân, tổ chức gửi:.....

(2), ngày..... tháng..... năm.....

Người tiếp nhận hồ sơ*(Ghi rõ chức danh)*

(Ký tên)

Họ và tên của người ký

1. Tên cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3, khoản 1 và khoản 2 Điều 4 của Thông tư.

2. Ghi địa danh của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

3. Báo cáo kết quả kiểm định/Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực hoặc Giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

4. Các tài liệu đính kèm (nếu có).

5. Tên cá nhân, tổ chức lập và nộp báo cáo/Giấy chứng nhận.